

KẾ HOẠCH

thực hiện Kế hoạch số 221-KH/TU, ngày 12/6/2024 của Ban Thường vụ
Tỉnh ủy tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019
của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác,
sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

Thực hiện Kế hoạch số 221-KH/TU, ngày 12/6/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 39-NQ/TW); Ban Thường vụ Thành ủy xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Tiếp tục quán triệt sâu sắc và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với vận dụng hiệu quả, phù hợp trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thống nhất, đồng bộ các nội dung của Nghị quyết số 39-NQ/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tạo chuyển biến tích cực trong đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với việc khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế thành phố, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, cạn kiệt nguồn lực và hủy hoại môi trường.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, khơi thông, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế. Đổi mới định hướng đầu tư và mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; mở rộng liên kết, khai thác hiệu quả, hợp lý các tiềm năng, lợi thế để nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức mạnh cạnh tranh của thành phố. Phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa-xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đảm bảo môi trường, an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, đặc biệt, xây dựng thành phố Rạch Giá thành Trung tâm tổng

hợp, chuyên ngành theo định hướng của Tỉnh⁽¹⁾.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với nguồn nhân lực

- Đến năm 2025: Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75% tổng số người trong độ tuổi lao động; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 52% trở lên. Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản còn khoảng 36% tổng số lao động của thành phố. Hạn chế tình trạng mất cân đối cung-cầu nhân lực trong nền kinh tế; thiết lập hệ thống sắp xếp công việc dựa trên bố trí vị trí việc làm.

- Đến năm 2035: Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 77,5%, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt từ 55% đến 60%. Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản còn khoảng 32% tổng số lao động của thành phố. Phát triển năng lực đổi mới sáng tạo, đội ngũ nhân lực làm công tác khoa học, công nghệ,...

- Đến năm 2045: Năng suất lao động và năng lực cạnh tranh nhân lực của thành phố đạt mức khá so với bình quân của tỉnh.

b) Đối với nguồn vật lực

- Đến năm 2025: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của luật pháp, cơ chế, chính sách quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản theo hướng tiết kiệm, hiệu quả. Chấm dứt hoạt động của các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sử dụng đất đai kém hiệu quả, ảnh hưởng đến môi trường; 95% chất thải rắn được kiểm soát và xử lý. Tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển bền vững, tập trung phát triển du lịch, dịch vụ đồng bộ với hệ thống pháp luật.

Phát triển hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng của thành phố từng bước đồng bộ và hiện đại. Hoàn thành các công trình có tính chất cấp bách, trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế-xã hội. Thực hiện hiệu quả các quy hoạch, chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển du lịch, đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn thành phố.

- Đến năm 2035: Bảo đảm khoảng 99% diện tích đất tự nhiên được đưa vào khai thác, sử dụng; kiểm soát cơ bản tình trạng ô nhiễm nguồn nước. Phát triển hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế-xã hội của thành phố đồng bộ, cơ bản hiện đại; kết nối thuận tiện, nhanh chóng với các địa bàn lân cận, trọng tâm là thương mại dịch vụ chất lượng cao về du lịch, đào tạo nguồn nhân lực.

⁽¹⁾ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.; Chương trình hành động số 29-Ctr/TU ngày 26-7-2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Đến năm 2045: Chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên nước; quản lý tài nguyên đất sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững; ứng phó kịp thời và thích nghi với thiên tai, biến đổi khí hậu; bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Hoàn thiện cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là các tuyến đường bộ kết nối thông suốt giữa các địa phương trong và ngoài tỉnh.

c) *Đối với nguồn lực tài chính và ngân sách*: Hàng năm, phấn đấu thu ngân sách đạt và vượt dự toán Tỉnh giao, phấn đấu thu ngân sách năm sau tăng hơn so với năm trước; trong đó, tập trung khai thác các khoản thu ngân sách nhà nước về đất đai và khai thác tài sản công theo chủ trương của cấp trên; chi ngân sách đảm bảo đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả.

d) *Nguồn lực về văn hoá*: Xây dựng và phát huy nguồn lực văn hóa, con người Rạch Giá đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, hài hoà và bền vững.

III- NHIỆM VỤ VÀ BIỆN PHÁP

1. Nhiệm vụ, biện pháp chung

Kịp thời triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách trên địa bàn để khơi thông, giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, phù hợp với nền kinh tế của thành phố; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực.

Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chuyển từ chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên, vốn đầu tư và lao động sang sử dụng tổng hợp, có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững.

Cơ cấu lại các lĩnh vực kinh tế và sản phẩm chủ yếu theo hướng hiện đại, phát huy lợi thế so sánh. Tập trung các nguồn lực phát triển những sản phẩm có lợi thế so sánh, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng cao; gắn với tìm kiếm và kết nối các thị trường tiêu thụ cho sản phẩm. Đầu tư các dự án trọng điểm của thành phố theo hướng đô thị thông minh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, chia sẻ thông tin về các nguồn lực trong nền kinh tế để sử dụng tối ưu và hiệu quả; phân phối, chia sẻ và tái sử dụng có hiệu quả các nguồn lực dư thừa, làm gia tăng giá trị các nguồn lực kinh tế.

2. Nhiệm vụ, biện pháp đối với từng nguồn lực cụ thể

2.1. Đối với nguồn nhân lực

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Đề án phát triển nguồn

nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, nhất là phòng Giáo dục và Đào tạo, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, phòng Nội vụ, phòng Kinh tế, phòng Quản lý Đô thị, Hội Nông dân,... trong việc phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn thành phố.

Phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng xã hội hóa, gắn giáo dục nghề nghiệp với yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực và nhu cầu xã hội.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, có kế hoạch khuyến khích chuyển dịch cơ cấu lao động để giảm dần tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp và thủy sản vào các khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, các khu vực có hàm lượng sử dụng trí tuệ, công nghệ cao,... chú trọng đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách khác, gắn đào tạo với giải quyết việc làm.

Tham gia phát triển hệ thống mạng lưới thông tin thị trường lao động và dịch vụ về đào tạo, tìm kiếm, giới thiệu việc làm. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển thị trường lao động.

Thực hiện giám sát xã hội, bảo đảm vai trò giám sát của cộng đồng; phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị-xã hội trong việc giám sát chất lượng đào tạo nhân lực.

2.2. Đối với nguồn vật lực

a) Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

Rà soát đề xuất sửa đổi thủ tục hành chính trong quản lý đất đai, theo hướng đảm bảo tính công khai, minh bạch, thuận tiện. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Việc thẩm định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu tác động ảnh hưởng đến môi trường và đúng quy định.

Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định và phát triển bền vững ngành thủy sản; xử lý nghiêm tình trạng khai thác tài nguyên không phép, trái phép nhất là khai thác hải sản trái phép vùng biển nước ngoài, trình trạng cào bờ, xiệp mé,...

Thực hiện tốt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản. Chuyển mạnh từ sản xuất theo hộ gia đình riêng lẻ sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp trong đô thị; tiếp tục kêu gọi đầu tư cụm công nghiệp thành phố.

Đẩy mạnh phát triển bền vững kinh tế biển, gắn kinh tế biển với bảo vệ tài nguyên môi trường biển của thành phố.

b) Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế-xã hội

Thực hiện huy động, khơi thông các nguồn lực từ các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng công khai, minh bạch, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội, coi đây là giải pháp đột phá để thực hiện các mục tiêu bảo đảm hoàn thiện cơ sở vật chất và hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của thành phố.

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, thực hiện tốt kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn, dài hạn. Ưu tiên đầu tư các công trình có tính cấp bách, trọng tâm, trọng điểm, các công trình kết cấu hạ tầng bảo đảm tính đồng bộ, tính kết nối nhằm phát huy hiệu quả đầu tư, tạo động lực phát triển kinh tế-xã hội. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm bảo đảm việc huy động, sử dụng nguồn vốn đầu tư công đúng mục đích, hiệu quả, xử lý nghiêm các vi phạm gây tổn thất, lãng phí.

Rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, chấm dứt đầu tư đối với các dự án kém hiệu quả, thiếu tính khả thi để tập trung đầu tư cho các công trình và dự án cấp bách khác.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản; phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn trong triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội và môi trường.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp quản lý hiện đại trong tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế-xã hội.

2.3. Đối với nguồn tài lực

Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách Nhà nước, tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách Nhà nước; quan tâm nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu thuế; thực hiện thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất theo đúng quy định, hạn chế thất thoát nguồn thu ngân sách Nhà nước từ đất đai.

Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách Nhà nước, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp; không quyết định đầu tư các chương trình, đề án, dự án khi không cân đối được nguồn lực; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách Nhà nước.

Quản lý chi đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước phải tuân thủ đúng quy định của Luật Đầu tư công; tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo thực hiện đầu tư đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

Triển khai thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

Vận hành tốt cơ chế quản lý, cấp phát ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật; cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Chấp hành nghiêm các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về an toàn kho quỹ.

2.4. Đối với nguồn lực văn hoá: Thực hiện tốt Kế hoạch số 173-KH/TU, ngày 25/6/2024 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TU, ngày 11/4/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Kiên Giang, Rạch Giá đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, hài hoà và bền vững.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các chi bộ, đảng bộ trực thuộc Thành ủy, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị-xã hội thành phố xây dựng kế hoạch triển khai, quán triệt kế hoạch này.

2. Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể hoá thực hiện nghiêm túc Kế hoạch của Ban Thường vụ Thành ủy, định kỳ tham mưu cho Ban Thường vụ Thành ủy tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội thành phố, các hội quần chúng có kế hoạch tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch của Ban Thường vụ Thành ủy đến đoàn viên, hội viên và nhân dân với các hình thức đa dạng, phù hợp; theo dõi, giám sát việc thực hiện.

4. Ban Tuyên giáo Thành ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn quán triệt, tuyên truyền Kế hoạch của Ban Thường vụ Thành ủy; tuyên truyền kết quả tổ chức thực hiện đến cán bộ, đảng viên và nhân dân thành phố.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c),
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- Các đ/c Thành ủy viên,
- MTTQ, các ban, ngành, đoàn thể, hội quần chúng thành phố,
- Các chi bộ, đảng bộ trực thuộc,
- LĐ và CV nghiên cứu VP Thành ủy,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Nguyễn Thanh Phong